

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 2068/2021/KDTM-ST

Ngày: 16/11/2021

V/v tranh chấp hợp đồng thi công

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Hiền Lũy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hương
2. Bà Nguyễn Thị Lượng

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Bá Thu Thư - Kiểm sát viên.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng - Thư ký Tòa án thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ngày 16 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 57/2020/TLST-KDTM ngày 06 tháng 10 năm 2021 về việc “Tranh chấp hợp đồng thi công” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3177/2021/QĐXXST-KDTM ngày 02 tháng 6 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số 3667/2021/QĐST-DS ngày 25 tháng 6 năm 2021; Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 4860/2021/QĐXXST-KDTM ngày 26 tháng 10 năm 2021 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Phát triển nhà T

Trụ sở: số 3 - 5 đường P, phường N, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Trương Thị T, sinh năm 1996

2. Bà Lê Thị Hồng T1, sinh năm 1982

Địa chỉ: Tầng M số 205 A đường N, Phường Y, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Bị đơn: Công ty Cổ phần Xây dựng công trình C

Trụ sở: số 31/21 đường K, Khu phố x, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Bùi Mạnh H, sinh năm 1975
Địa chỉ: số nhà 3.09 lô C chung cư H, Đường x, Khu phố y, phường H,
thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2020 của Công ty Cổ phần Phát triển nhà T và lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền:

Ngày 18/6/2013, Công ty Cổ phần Phát triển nhà T (gọi tắt là công ty nhà T) và Công ty Cổ phần Xây dựng công trình C (gọi tắt là công ty C) ký kết Hợp đồng kinh tế số 70/2013/HĐKT với nội dung thỏa thuận như sau:

Công ty C giao cho công ty nhà T thi công hạng mục đường giao thông đoạn Thủ Thừa – Kênh BoBo (phân đoạn Km0 + 000-KM2 + 483,23) thuộc dự án Đầu tư xây dựng đường Thủ Thừa - Bình Thành - Hòa Khánh, đoạn từ Thủ Thừa - Quốc lộ N2 (giai đoạn 1); Dự án thành phần 1 từ Thủ Thừa Quốc lộ N2. Thời hạn bàn giao công trình đưa vào sử dụng ngày 23/7/2014, thời gian bảo hành công trình một năm tính từ ngày bàn giao.

Tổng giá trị hợp đồng tạm tính là 19.547.973.637 đồng. Giá trị quyết toán chính thức sẽ được căn cứ theo khối lượng, đơn giá và phương án thi công thực tế được nghiệm thu. Thời hạn thanh toán chia làm 3 đợt: Đợt 1: Sau khi công trình được nghiệm thu đưa vào sử dụng sẽ thanh toán 90% giá trị quyết toán hoàn thành công trình. Đợt 2: Chậm nhất 90 ngày kể từ ngày nhà đầu tư quyết toán cho Công ty C sẽ thanh toán 5% giá trị quyết toán hoàn thành công trình. Đợt 3: Sau thời gian bảo hành thanh toán 5% giá trị còn lại.

Ngoài ra hợp đồng còn quy định nếu quá 90 ngày kể từ ngày đến hạn thanh toán mà công ty C chưa hoàn tất nghĩa vụ thanh toán cho công ty T thì phải trả tiền lãi theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Công thương Việt Nam tại thời điểm chậm thanh toán.

Thực hiện hợp đồng, công ty T đã thi công công trình theo đúng tiến độ và đã bàn giao công trình cho công ty C vào ngày 23/7/2014 theo biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình và đưa vào khai thác sử dụng. Giá trị thực tế hoàn thành công trình là 16.341.275.444 đồng theo bảng chi tiết giá trị hoàn thành đợt 3.

Sau khi nhận bàn giao công trình, công ty C thanh toán như sau:

Ngày 23/7/2014 thanh toán số tiền 8.800.000.000 đồng; ngày 07/8/2015 thanh toán số tiền 1.000.000.000 và ngày 05/02/2016 thanh toán 500.000.000 đồng. Tổng số tiền công ty C thanh toán là 10.300.000.000 đồng, còn nợ lại 6.442.955.257 đồng, tương đương 38,48% giá trị hợp đồng. Vì vậy hai bên đã đối chiếu và xác nhận công nợ theo các biên bản xác nhận công nợ ngày 30/6/2017; ngày 30/6/2019 và ngày 31/12/2019. Công ty C đã ký xác nhận công nợ nhưng không thanh toán tiền nợ nên công ty T yêu cầu công ty C phải thanh toán số tiền nợ theo giá trị hợp đồng là 6.442.955.257 đồng và tiền lãi suất do vi phạm thời hạn thanh toán tính theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân

hàng Công thương Việt Nam tương ứng với thời gian vi phạm là 4.436.245.377 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt thông báo thụ lý vụ án, đồng thời triệu tập đại diện công ty C đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải nhưng đại diện Công ty vắng mặt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa nhưng vắng mặt. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ điểm b Khoản 2, Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Tòa án đã thực hiện các trình tự, thủ tục theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đảm bảo cho các đương sự có các quyền và nghĩa vụ khi tham gia tố tụng.

Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức phát biểu quan điểm, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Quan hệ tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận”, theo quy định tại Khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Căn cứ giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 0311569462 do Sở kế hoạch và đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cung cấp thì Công ty Cổ phần Xây dựng công trình C có địa chỉ trụ sở chính tại thành phố Thủ Đức nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm b Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung: Xét, căn cứ lời khai của nguyên đơn phù hợp với hợp đồng kinh tế số 70/2013/HĐKT ngày 18/6/2013 có cơ sở xác định giữa nguyên đơn và bị đơn có thỏa thuận về việc thi công công trình.

[2.1] Do quá trình Tòa án giải quyết vụ án, bị đơn không giao nộp chứng cứ, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án cũng không nhận được văn bản trình bày ý kiến của bị đơn đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của phía nguyên đơn phù hợp với Hợp đồng kinh tế số 70/2013/HĐKT

ngày 18/6/2013; Biên bản nghiệm thu hoàn thành hạng mục công trình đưa vào sử dụng ngày 23/7/2014; Bảng chi tiết giá trị hoàn thành Đợt 3 và các biên bản xác nhận công nợ ngày 30/6/2017, ngày 30/6/2019, ngày 31/12/2019, bị đơn đã xác nhận số tiền nợ để xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 6.442.9555.257 đồng. Xét thấy phía nguyên đơn (bên thi công) đã thực hiện xong nghĩa vụ, thi công hoàn thiện công trình và bàn giao cho bị đơn theo đúng hợp đồng, đến nay bị đơn chưa hoàn thành nghĩa vụ thanh toán giá trị công trình cho nguyên đơn là đã vi phạm Điều 4 của hợp đồng kinh tế nên yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ, được chấp nhận.

[2.2] Đối với tiền lãi do chậm thanh toán: Xét, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi suất do vi phạm thời gian thanh toán theo mức lãi suất cho vay ngắn hạn của Ngân hàng Công thương Việt Nam tại các thời điểm thanh toán, tương ứng với thời gian chậm thanh toán là phù hợp với sự thỏa thuận được quy định tại Điều 4 Hợp đồng kinh tế ngày 18/6/2013. Vì vậy chấp nhận yêu cầu về tiền lãi của nguyên đơn, ngoài số tiền phải thanh toán theo giá trị hợp đồng thì bị đơn còn phải thanh toán cho nguyên đơn tiền lãi suất tính đến ngày xét xử là 4.436.245.377 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Án phí sơ thẩm: Do chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định tại Khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Khoản 1 Điều 30; Điểm b Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 1 Điều 147; Khoản 1, Khoản 2 Điều 269; Điều 271 và Khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 24; Điều 50 và Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Công ty Cổ phần Phát triển nhà T;

Công ty Cổ phần Xây dựng công trình C có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Cổ phần Phát triển nhà T số tiền 10.879.200.634 (mười tỷ tám trăm bảy mươi chín triệu hai trăm ngàn sáu trăm ba mươi bốn) đồng, (trong đó giá trị công trình 6.442.9555.257 đồng; tiền lãi suất do vi phạm thời hạn thanh toán 4.436.245.377 đồng).

Về tiền lãi: Công ty Cổ phần Xây dựng công trình C phải chịu tiền lãi phát sinh tính từ ngày 17/11/2021 cho đến khi thanh toán toàn bộ số tiền nợ theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng kinh tế số 70/2013/HĐKT ngày 18/6/2013.

2. Ân phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Công ty Cổ phần Xây dựng công trình C phải chịu 118.879.201 (một trăm mười tám triệu tám trăm bảy mươi chín ngàn hai trăm lẻ một) đồng, nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Công ty Cổ phần Phát triển nhà T được nhận lại số tiền tạm ứng án phí 59.249.607 (năm mươi chín triệu hai trăm bốn mươi chín ngàn sáu trăm lẻ bảy) đồng theo biên lai thu số 0057847 ngày 06/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyền và thời hạn kháng cáo:

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã sửa đổi, bổ sung năm 2014)”.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Tp.Thủ Đức;
- CCTHADS Tp.Thủ Đức;
- Đương sự;
- Lưu: VP, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Cao Thị Hiền Lũy